

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 12 – 2024

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1971 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bào Ch, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1968 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Má T, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn V chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do ông, bà bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên, đánh nhau nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ, chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Bà và ông V đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Bà

Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà Ph xác định ông, bà có hai người con chung tên Phạm Minh Đg, sinh ngày 18/10/1993; Phạm Thúy Q, sinh ngày 05/10/1995. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Ph xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ph khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông V đồng ý ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Ông V xác định ông, bà có hai người con chung tên Phạm Minh Đg, sinh ngày 18/10/1993; Phạm Thúy Q, sinh ngày 05/10/1995. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

Ngày 11/12/2024 ông V nộp Đơn yêu cầu, không hòa giải và xin vắng mặt cùng ngày.

Ngày 31/12/2024 bà Ph nộp Đơn xin không tham gia tố tụng cùng ngày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ph về việc xin ly hôn với ông Phạm Văn V thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; ông Vĩnh là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Má T, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Phạm Văn V, bà Lê Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà Ph theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ph và ông Phạm Văn V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông, bà đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa ông, bà không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay ông, bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Ông, bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bà Ph cương quyết xin ly hôn, trường hợp Tòa án không cho ông ly hôn, bà cũng không trở về chung sống với ông V được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của bà Ph và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên ông, bà không được công nhận là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Bà Ph, ông V xác định: Ông, bà có hai người con chung tên Phạm Minh Đg, sinh ngày 18/10/1993; Phạm Thúy Q, sinh ngày 05/10/1995. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Ph, ông V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Ph, ông V khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Ph và ông Phạm Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Ph, ông V xác định ông, bà có hai người con chung tên Phạm Minh Đg, sinh ngày 18/10/1993; Phạm Thúy Q, sinh ngày 05/10/1995. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Ph, ông V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Ph, ông V khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 22 tháng 11 năm 2024, bà Ph đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003562 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị Ph, ông Phạm Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung